TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH ĐẠI – TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:38/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 06 - 5 - 2024
V/v tranh chấp: "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Khắc Đoàn Cương

Ông Võ Văn Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thái Dương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà:

Ông Phan Hoàng Quí - Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2024 về tranh chấp hôn nhân và gia đình: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2024/QĐXX-ST ngày 02 tháng 4 năm 2024, Quyết định hoãn phiên Tòa số: 49/2024/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Nguyễn Thị Ngọc D**, sinh năm: 1995 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã P, huyện Đ, tỉnh T.

- *Bị đơn:* **Lê Học TT**sinh năm: 1994 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã P, huyện Đ, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn xin ly hôn đề ngày 15/8/2023, bản tự khai ngày 18/3/2024, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc D trình bày:

Chị và anh Lê Học T kết hôn năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 8 năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung và vợ chồng đã ly thân. Quá trình chung sống, chị và anh T có với nhau 01 con chung Lê Hoàng Gia P, sinh ngày: 12/10/2017, anh T đang nuôi dưỡng. Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Chị Nguyễn Thị Ngọc D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Được ly hôn với anh Lê Học T.

- Về con chung: Ly hôn chị đồng ý để anh Lê Học T được nuôi dưỡng con chung, chị đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung hằng tháng là 3.000.000 đồng.

- Tài sản chung, nợ chung: Không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Nguyễn Thị Ngọc D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 17/4/2024.

* Anh Lê Học T các lần Tòa án triệu tập hợp lệ để hòa giải, xét xử đến lần thứ hai đều vắng mặt nên không có lời khai.

*Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Đối với Thẩm phán chấp hành tốt theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các nguyên tắc do pháp luật quy định. Đối với những người tham gia tố tụng thì nguyên đơn có chấp hành tốt theo Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt là vi phạm nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc D. Về con chung: Ghi nhận chị Nguyễn Thị Ngọc D đồng ý để anh Lê Học T được nuôi dưỡng con chung và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hằng tháng là 3.000.000 đồng. Tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc D khai không có nên không đặt vấn đề xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Ngọc D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 17/4/2024. Anh Lê Học T đã được Tòa án nhân dân huyện Bình Đại tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, được Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để hòa giải, xét xử đến lần thứ 2 nhưng anh T đều vắng mặt. Anh T hiện nay vẫn đang sinh sống tại địa phương. Căn cứ khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị D, anh T là phù hợp, đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Ngọc D và anh Lê Học T kết hôn năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre trên tinh thần tự nguyên và có đăng ký kết hôn nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc đến tháng 8 năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị D trình bày là do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung và vợ chồng đã ly thân đến nay không có hàn gắn được tình cảm và chị D vẫn giữ yêu cầu ly hôn. Anh T cũng không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu ly hôn của chị D. Điều đó chứng tỏ anh T không muốn hàn gắn lại tình cảm vợ chồng với chị D, hôn nhân giữa chị D và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Xét thấy, yêu cầu ly hôn của chị D

đối với anh T là có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung:

Chị Nguyễn Thị Ngọc D khai, chị và anh Lê Học T chung sống có với nhau 01 con chung tên Lê Hoàng Gia P, sinh ngày: 12/10/2017, anh Tâm nuôi dưỡng. Ly hôn chị D đồng ý để anh T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Đây là sự tự nguyện của chị D nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Chị D đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T hằng tháng là 3.000.000 đồng. Đây là sự tự nguyện của chị D phù hợp quy định pháp luật theo Điều 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Thời gian thực hiện kể từ ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 06/5/2024) đến khi con chung đã thành niên (Đủ 18 tuổi).

[3] Tài sản chung, nợ chung:

Đơn khởi kiện và tại phiên Tòa sơ thẩm hôm nay, chị D khai không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên Tòa về việc giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, diễn biến tại phiên tòa và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí:

- Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

- Án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Căn cứ vào điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Tổng án phí chị D phải chịu là 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 233; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc D.

2. Chị Nguyễn Thị Ngọc D được ly hôn với anh Lê Học T.

3. Về con chung:

Anh Lê Học T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Lê Hoàng Gia P, sinh ngày: 12/10/2017.

Ghi nhận chị Nguyễn Thị Ngọc D tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung Lê Hoàng Gia P cho anh Lê Học T hằng tháng số tiền là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) kể từ ngày xét xử sơ thẩm ngày 06/5/2024 cho đến khi con chung Lê Hoàng Gia P đã thành niên (*Đủ 18 tuổi*).

Trong thời gian con chung Lê Hoàng Gia P của chị Nguyễn Thị Ngọc D và anh Lê Học T chưa thành niên (*Chưa đủ 18 tuổi*), anh chị có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con và có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung, nợ chung:

Đơn khởi kiện, chị Nguyễn Thị Ngọc D khai không có nên Hội đồng xét xử không xét đến.

5. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và cấp dưỡng nuôi con chung:

Chị Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0003353 ngày 20 tháng 02 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre, chị Nguyễn Thị Ngọc D còn phải nộp tiếp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Các đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bến Tre;
(Phòng Kiểm tra nghiệp vụ và THA)
-VKSND huyện Bình Đại;
-Chi cục THA dân sự huyện Bình Đại;
-UBND xã P (Số 11/2017, ngày 15/3/2017);
- Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Hồng Phương